

MARKET LENS

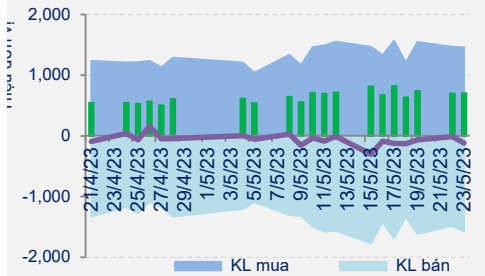
Phiên giao dịch ngày: 23/5/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

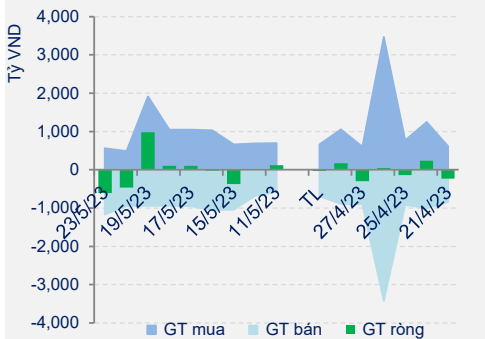
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,065.85	215.79
% Thay đổi	↓ -0.45%	↓ -0.05%
KLGD (CP)	706,729,115	109,434,434
GTGD (tỷ đồng)	12,848.75	1,711.43
Tổng cung (CP)	1,578,787,991	185,982,600
Tổng cầu (CP)	1,460,070,150	156,571,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	40,503,100	854,714
KL mua (CP)	20,337,000	687,500
GT mua (tỷ đồng)	563.51	17.29
GT bán (tỷ đồng)	1,167.70	15.73
GT ròng (tỷ đồng)	(604.18)	1.57

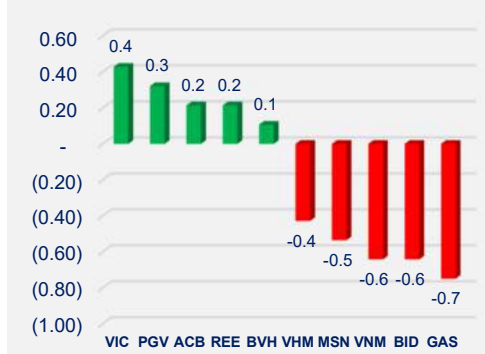
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tương tự tuần trước, VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực bán ở vùng 1.075 điểm trong phiên hôm nay và điều chỉnh kiểm tra lại vùng hỗ trợ quanh 1.060 điểm trước khi phục hồi trở lại. Kết phiên VN-INDEX giảm 4,79 điểm (-0,45%) về mức 1.065,85 điểm với thanh khoản gia tăng. Độ rộng trên HOSE nghiêng về tiêu cực với 266 mã giảm điểm (05 mã giảm sàn), 139 mã tăng điểm (04 mã tăng trần) và 37 mã tham chiếu. HNX-INDEX giảm nhẹ 0,11 điểm (-0,05%), độ rộng HNX khá cân bằng khi có 81 mã tăng điểm (07 mã tăng trần), 85 mã giảm điểm (08 mã giảm sàn) và 75 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 14.556 tỉ đồng, tăng 5,65% so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình cho thấy dòng tiền vẫn đang luân chuyển tốt mặc dù khá nhiều mã đang chịu áp lực bán mạnh hơn. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với quy mô gia tăng lên 604,74 tỉ đồng, tập trung nhiều ở nhóm bán lẻ, thép và bất động sản, mua ròng nhẹ trên HNX với giá trị 1,57 tỉ đồng.

Thị trường phân hóa mạnh hơn với số mã giảm điểm chiếm ưu thế. Nổi bật trong số các mã tăng điểm là nhóm chăn nuôi khi duy trì đà tăng giá tích cực như DBC (+5,21%), BAF (+2,74%), VLC (+1,20%)... và các mã nhóm hóa chất, phân bón tăng điểm sau thời gian tích lũy, chịu áp lực điều chỉnh kéo dài như CSV (+3,33%), DGC (+1,98%)... DCM (+1,49%), DPM (+1,76%), LAS (+2,91%)....

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán phản ánh mức độ phân hóa của thị trường với các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ có thanh khoản trên trung bình như BSI (-1,38%), VIX (-1,12%), VCI (-1,02%), AGR (-0,80%)... trong khi các mã tăng điểm có thanh khoản gia tăng tốt hơn như HCM (+1,72%), VND (+1,54%), CTS (1,42%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau phiên tích cực hôm qua, đa số điều chỉnh nhẹ với thanh khoản thấp như VIB (-1,39%), LPB (-1,06%), VPB (-0,76%), TCB (-0,49%)... một số mã tăng điểm có thanh khoản tăng mạnh như ACB (+1,20%) sau khi được NHNN chấp thuận cho cổ đông lớn là Dragon Financial Holdings Limited chuyển nhượng cổ phần, BVB (+0,96%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí có nhiều mã tiếp tục diễn biến tích cực với thanh khoản cao như PVS (+2,79%), PVG (+1,15%), PVC (+1,14%), PVD (+0,85%) trong khi các mã chịu áp lực điều chỉnh là GAS (-1,58%), OIL (-1,06%), PLX (-0,66%), VIP (-0,49%).

Các nhóm mã khác chịu áp lực điều chỉnh phân hóa mạnh, mặc dù vẫn có nhiều mã tăng điểm mạnh như trong nhóm bất động sản với NHA (+6,77%), ITC (+5,80%)... trong khi số mã giảm điểm chiếm đa số với NLG (-2,10%), SCR (-1,76%), HDC (-1,72%), NBB (-1,43%), DXG (-1,40%)... thanh khoản trung bình.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2306 giảm 5,8 điểm (-0,54%), mức chênh lệch gia tăng lên -8,55 điểm so với VN30 với khối lượng giao dịch tăng 14,84% so với phiên. Trong khi đó khối lượng mở OI xu hướng tăng cho thấy các vị thế ưu tiên nắm giữ lâu hơn. Các kỳ hạn VN30F2306, VN30F2309, VN30F2312 gia tăng mức chênh lệch lên từ -11,05 điểm đến -15,85 điểm, với kỳ hạn lớn hơn VN30F2312 cao hơn VN30F2309. Cho thấy các trader vẫn chưa có kỳ vọng lạc quan về tăng trưởng của VN30.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Phiên hôm nay thị trường lại điều chỉnh và lấy đi toàn bộ số điểm tăng trong phiên đầu tuần. Tuy nhiên phiên điều chỉnh hôm nay đã được dự báo trước và không ảnh hưởng nhiều đến xu hướng của chỉ số. Trên góc nhìn ngắn hạn, VN-Index vẫn đang trong sóng hồi phục hình thành trong 2 tuần qua và có khả năng hướng tới khu vực kháng cự 1.100 điểm - 1.150 điểm tương ứng với vùng đỉnh cũ của các sóng hồi trước đây. Trong trường hợp VN-Index đánh mất nền tích lũy nhỏ là đường kẻ đen thì ngưỡng hỗ trợ của chỉ số sẽ quanh vùng 1.050 điểm. Dưới góc nhìn Trung - Dài hạn, thị trường đã hoàn thành vùng tích lũy chặt chẽ hình nêm và đang nỗ lực bứt phá thoát khỏi nền bằng sóng hồi được hình thành trong thời gian qua. Đợt hồi phục đưa VN-Index vào vùng lũy rộng 1.050 điểm - 1.150 điểm, nếu có thể vượt qua ngưỡng cản của nền tích lũy rộng quanh 1.150 điểm chỉ số có thể sẽ hình thành uptrend mới (mặc dù hiện tại còn khá sớm để dự báo uptrend trung hạn). Trường hợp các yếu tố vĩ mô và dòng tiền không hỗ trợ, ngưỡng hỗ trợ của VN-Index sẽ quanh khu vực 1.000 điểm - 1.050 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau phiên đầu tuần khá tích cực, phiên hôm nay VN-Index lại điều chỉnh khi chốt phiên giảm 4,79 điểm (-0,45%) và đóng cửa ở 1.065,85 điểm. Phiên điều chỉnh hôm nay không làm VnIndex đánh mất nền tích lũy nhỏ và tiếp tục nằm trên MA20 và cách xa khu vực tích lũy hình nêm.

Xu hướng ngắn và dài hạn của VN-Index vẫn được duy trì như chúng tôi liên tục nhận định trong các bản tin trước. Với trạng thái tích lũy khá tin cậy thời gian qua, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục tích cực trong thời gian tới

Trong ngắn hạn với các phiên tăng giảm đan xen trong quá trình phục hồi, các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn có thể xem xét mua vào trong các phiên điều chỉnh đối với các cổ phiếu thu hút được dòng tiền và vận động tích cực, tuy nhiên nên duy trì tỷ trọng ở mức trung bình. Với nhà đầu tư trung, dài hạn các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm vẫn là cơ hội để tích lũy thêm các cổ phiếu nhằm hướng tới giai đoạn bùng nổ sau tích lũy. Mục tiêu giải ngân trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/5/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
TNG	19.90	18.5-19.3	22.5-23	16	6.9	5.9%	13.7%	Theo dõi chờ giải ngân
BSI	28.60	25-26	32-33	24	35.0	-13.6%	17.3%	Theo dõi chờ giải ngân
SKG	19.35	17-18	22-23	16	18.1	39.8%	235.1%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	26.85	24-26	31-32	22	10.2	221.4%	95.7%	Theo dõi chờ giải ngân
PVD	23.80	22.5-23.8	26.5-27.5	21	506.4	7.1%	217.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	16.40	15.3-16.3	20.5-21	14	19.8	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	38.80	36-37	45-47	33	3.8	0.4%	-40.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	26.65	25-26.3	30-31	23	17.6	-41.0%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	31.00	27.40	34-36	29.5	13.14%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	23.20	18.00	24-26	22	28.89%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	47.00	42.00	50-52	44	11.90%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	29.50	25.10	29-30	27	17.53%	Nắm giữ
5/5/23	ITC	11.85	9.08	12-12.5	10.4	30.51%	Nắm giữ
8/5/23	PVT	20.70	20.45	26-27	20	1.22%	Nắm giữ
9/5/23	VOS	10.95	11.00	14.5-15.5	10.2	-0.45%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	12.75	12.75	18-18.5	12	0.00%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	55.10	54.80	65-67	53	0.55%	Nắm giữ



TIN DOANH NGHIỆP

Báo động không còn điện dự phòng

Tính đến ngày 21/5, tại khu vực miền Bắc, tất cả 12/12 hồ thủy điện lớn có lưu lượng nước về hồ rất kém. Đến nay có 17/47 hồ thủy điện lớn có mực nước đã về mực nước chết hoặc gần mực nước chết, tần suất nước về nhiều hồ thấp nhất trong 100 năm qua. Trong khi đó lượng điện tiêu thụ tăng kỷ lục với khoảng 895 triệu kWh, EVN đang phải tăng tối đa nhập khẩu điện để tránh tình trạng thiếu nguồn trầm trọng.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế đối với thương mại điện tử và kinh doanh trên các nền tảng số

Ban Chỉ đạo 389 Bộ Tài chính đề nghị Tổng cục Thuế tăng cường thanh tra, kiểm tra và phối kết hợp với các bên liên quan chống thất thu thuế đối với các lĩnh vực, nội dung có rủi ro cao như: thương mại điện tử và kinh doanh trên các nền tảng số; hoàn thuế giá trị gia tăng, mua bán, sử dụng hoá đơn bất hợp pháp; hợp thức hoá hàng nhập lậu, trốn thuế...

Doanh nghiệp sản xuất pin của Trung Quốc cân nhắc đầu tư tại Hải Dương

Mới đây, Công ty Xiamen Hithium Energy Storage Technology, doanh nghiệp sản xuất pin hàng đầu của Trung Quốc, hé lộ mong muốn đầu tư vào Hải Dương. Đây là công ty xếp hạng thứ nhất tại thị trường Trung Quốc về số lượng dự án pin lưu trữ năng lượng và xếp hạng thứ nhất về tỷ lệ tăng trưởng số lượng đơn hàng.

Xuất khẩu cá tra, tôm giảm khoảng 40% trong 4 tháng đầu năm

Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 4 vẫn tiếp tục sụt giảm. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt 2.6 tỷ USD, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2022. Giảm mạnh nhất là cá tra với mức lao dốc 41% và đạt 570 triệu USD. Kế đó là cua ghẹ và giáp xác khác giảm 40% so với cùng kỳ, xuống 41 triệu USD. Xuất khẩu tôm cũng bị tác động mạnh, với kim ngạch giảm 37% xuống 887 triệu USD.

TIN VĨ MÔ

SHB hoàn tất chuyển nhượng 50% vốn điều lệ SHBFinance cho đối tác Krungsri

Ngày 23/05, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) và Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri) của Thái Lan (thành viên chiến lược thuộc Tập đoàn MUFG, Nhật Bản) thông báo đã hoàn tất việc chuyển nhượng 50% vốn cổ phần tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHBFinance). Hai Bên sẽ tiếp tục chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại sau 3 năm theo thỏa thuận đã ký

Cựu phó tổng giám đốc Vietnam Airlines làm CEO Bamboo Airways

HĐQT Bamboo Airways vừa bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Hải làm CEO thay ông Nguyễn Mạnh Quân từ ngày 24/5. Ông Hải ừng làm Phó tổng giám đốc Vietnam Airlines (giai đoạn tháng 4/2015 đến tháng 1/2019), Tổng giám đốc Cambodia Angkor Air. Theo Bamboo Airways, ông Nguyễn Mạnh Quân đã gửi đơn xin từ nhiệm vị trí tổng giám đốc. Ông Quân đảm nhiệm vai trò này từ tháng 7/2022. .

C47 trả cổ tức và cổ phiếu thưởng 2021

CTCP Xây dựng 47 (HOSE: C47) thông báo ngày GDKHQ nhận cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% và cổ phiếu thưởng tỷ lệ 10% là 05/06. Sau khi phát hành 5.5 triệu cp, vốn điều lệ Công ty sẽ tăng thêm 55 tỷ đồng, lên mức 330 tỷ đồng.

PNJ công bố doanh thu thuần 4 tháng đầu năm đạt 12,059 tỷ đồng

Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ) công bố doanh thu tháng 4/2023 đạt 2.263 tỷ đồng, lãi sau thuế 111 tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng, công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 12,059 tỷ đồng (-6.6%) và lợi nhuận sau thuế 859 tỷ đồng (-0,7%).

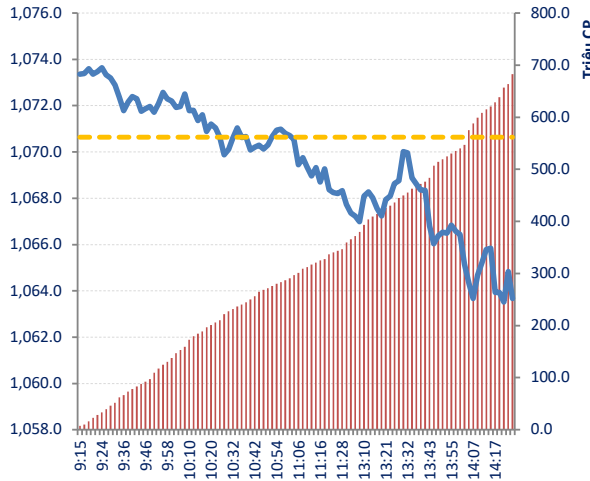
Gemadept (GMD) ngừng tăng vốn vì “thủ tục, giấy tờ”

Gemadept cho biết, Công ty sẽ trình cổ đông việc tạm dừng phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Lý do được đưa ra là điều kiện thị trường chưa thuận lợi để tiếp tục thực hiện phương án. Đồng thời, trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2022, việc hoàn thành chuyển nhượng Cảng Nam Hải Đình Vũ, Công ty đảm bảo được dòng tiền và nguồn vốn để triển khai các dự án và kế hoạch kinh doanh năm nay.

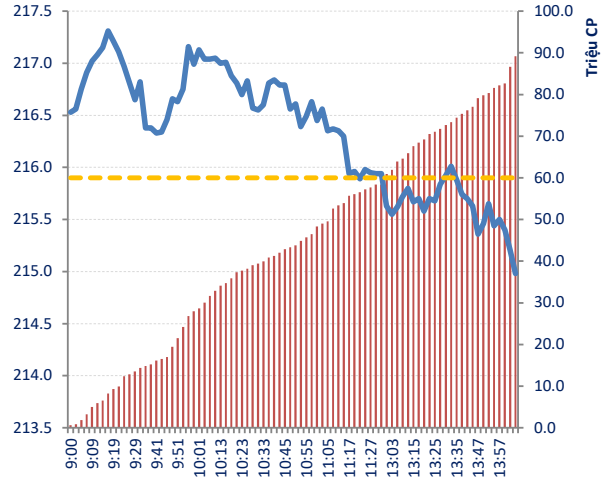


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

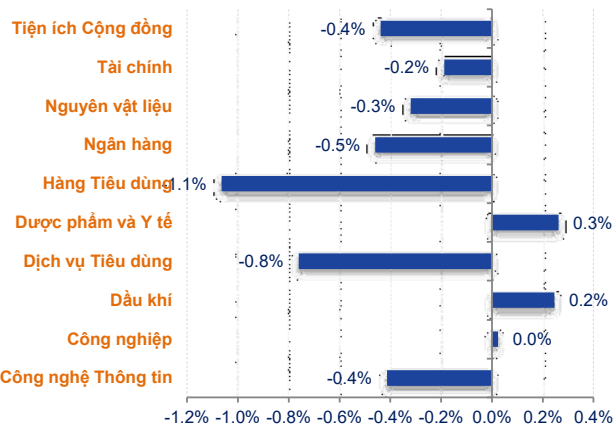
KLGD và VN-Index trong phiên



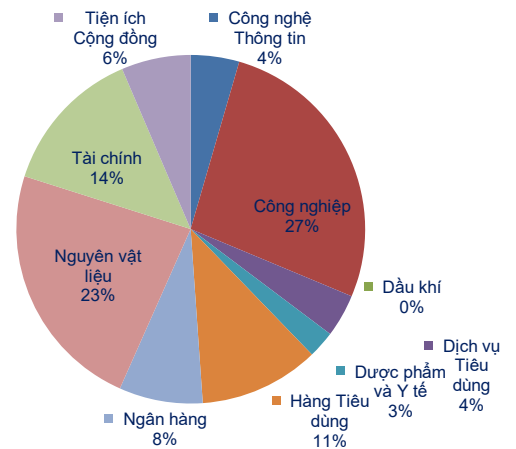
KLGD và HNX-Index trong phiên



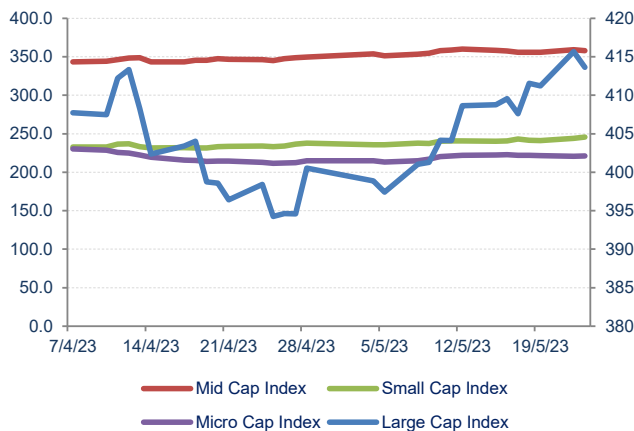
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



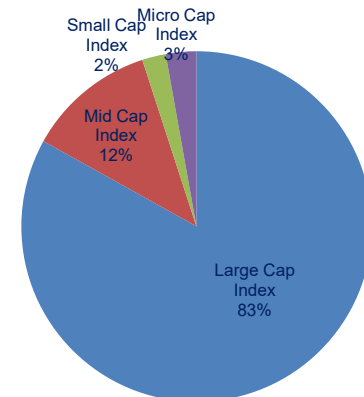
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	POW	2,562,200	VND	6,463,800	1	DTD	409,000	IDJ	279,800
2	VRE	1,007,100	HPG	2,670,900	2	MBS	47,100	MBG	126,400
3	SSI	618,200	VNM	1,865,500	3	PVG	23,000	IDC	88,900
4	VIC	443,100	MSN	1,777,900	4	IVS	18,000	PVS	77,401
5	FCN	435,900	CTG	1,756,700	5	CEO	10,800	TNG	46,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	16.20	16.45	↑ 1.54%	46,123,000	SHS	11.10	11.10	→ 0.00%	24,798,552
SHB	12.00	11.95	↓ -0.42%	25,891,700	PVS	28.70	29.50	↑ 2.79%	11,898,914
DIG	20.50	20.60	↑ 0.49%	21,727,300	CEO	26.00	26.10	↑ 0.38%	7,440,555
ACB	25.05	25.35	↑ 1.20%	21,722,400	IDJ	14.40	14.70	↑ 2.08%	6,843,945
VIX	9.86	9.75	↓ -1.12%	21,682,300	DDG	9.70	10.00	↑ 3.09%	5,043,369

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EVG	4.45	4.76	0.31	↑ 6.97%	HJS	33.10	36.40	3.30	↑ 9.97%
ST8	20.25	21.65	1.40	↑ 6.91%	NHC	25.40	27.90	2.50	↑ 9.84%
NHA	16.25	17.35	1.10	↑ 6.77%	THS	12.30	13.50	1.20	↑ 9.76%
L10	19.35	20.65	1.30	↑ 6.72%	VMS	13.60	14.90	1.30	↑ 9.56%
QBS	2.71	2.89	0.18	↑ 6.64%	NBW	25.40	27.80	2.40	↑ 9.45%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BTT	34.55	32.15	-2.40	↓ -6.95%	CJC	27.00	24.30	-2.70	↓ -10.00%
DAT	13.00	12.10	-0.90	↓ -6.92%	KST	14.20	12.80	-1.40	↓ -9.86%
SCD	16.60	15.45	-1.15	↓ -6.93%	EBS	11.30	10.20	-1.10	↓ -9.73%
ABT	32.60	30.35	-2.25	↓ -6.90%	DAE	18.80	17.00	-1.80	↓ -9.57%
NAV	16.00	14.90	-1.10	↓ -6.88%	VTH	7.60	6.90	-0.70	↓ -9.21%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	46,123,000	10.0%	1,095	14.8	1.3
SHB	25,891,700	19.7%	2,520	4.8	0.8
DIG	21,727,300	1.9%	236	86.7	1.6
ACB	21,722,400	26.5%	4,053	6.2	1.4
VIX	21,682,300	5.4%	604	16.3	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	24,798,552	2.1%	224	49.5	0.9
PVS	11,898,914	6.9%	1,849	15.5	1.0
CEO	7,440,555	7.7%	1,084	24.0	1.8
IDJ	6,843,945	10.1%	890	16.2	1.3
DDG	5,043,369	5.9%	762	12.7	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
EVG	↑ 7.0%	1.2%	120	37.1	0.4
ST8	↑ 6.9%	69.7%	7,932	2.6	1.6
NHA	↑ 6.8%	0.5%	45	360.9	1.6
L10	↑ 6.7%	6.7%	1,721	11.2	0.7
QBS	↑ 6.6%	-25.1%	(2,001)	-	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HJS	↑ 10.0%	17.7%	2,723	12.2	2.1
NHC	↑ 9.8%	4.8%	983	25.8	1.3
THS	↑ 9.8%	8.6%	1,267	9.7	0.9
VMS	↑ 9.6%	6.6%	1,085	12.5	0.8
NBW	↑ 9.4%	11.5%	1,904	13.3	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	2,562,200	6.4%	880	15.5	0.9
VRE	1,007,100	8.7%	1,222	22.8	1.9
SSI	618,200	9.3%	1,364	16.8	1.5
VIC	443,100	5.9%	2,270	23.0	1.5
FCN	435,900	1.2%	252	56.8	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DTD	409,000	12.2%	2,798	10.4	1.1
MBS	47,100	13.0%	1,531	11.4	1.4
PVG	23,000	3.3%	447	19.5	0.6
IVS	18,000	2.4%	249	24.9	0.6
CEO	10,800	7.7%	1,084	24.0	1.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	440,597	24.4%	6,318	14.7	3.0
VHM	235,571	20.6%	6,621	8.2	1.5
BID	224,598	19.1%	3,590	12.4	2.0
VIC	198,706	5.9%	2,270	23.0	1.5
GAS	181,251	26.1%	7,732	12.2	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	14,035	4.2%	697	57.5	2.3
PVS	13,718	6.9%	1,849	15.5	1.0
IDC	12,969	31.7%	5,356	7.3	2.1
KSF	11,940	5.6%	1,224	32.5	1.8
PVI	11,712	0.5%	168	298.5	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	4.59	0.0%	1	8,751.1	0.4
PDR	3.00	13.1%	1,693	7.9	1.1
NHA	2.96	0.5%	45	360.9	1.6
IBC	2.79	-5.6%	(1,044)	-	0.1
TTB	2.65	0.3%	29	80.3	0.2

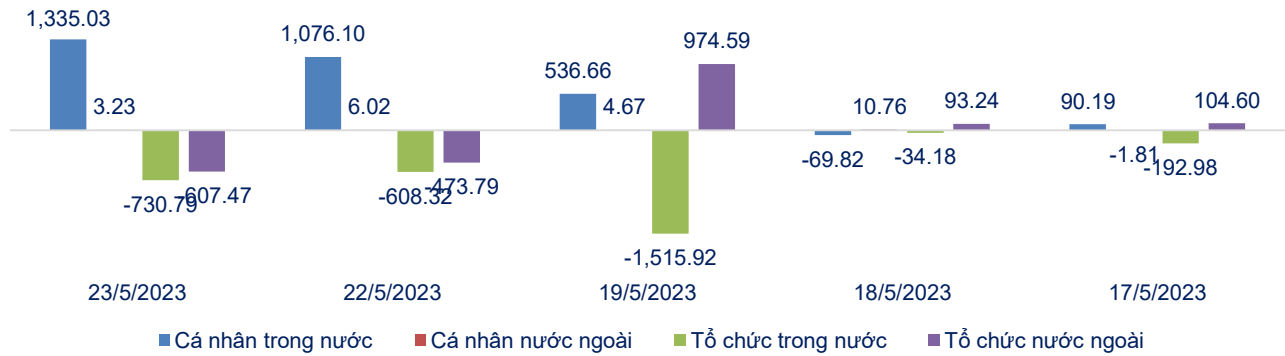
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.17	3.3%	615	74.8	3.5
APS	3.98	-37.9%	(5,410)	-	1.3
IDJ	3.38	10.1%	890	16.2	1.3
API	3.25	13.2%	1,410	10.3	1.2
CEO	2.97	7.7%	1,084	24.0	1.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	402.66	26.5%	4,053	6.2	1.4
VNM	145.93	24.8%	4,077	16.7	4.1
MSN	119.90	9.0%	2,511	28.7	2.8
VND	76.22	10.0%	1,095	14.8	1.3
STB	69.46	13.8%	2,674	10.5	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-24.07	15.4%	1,997	9.8	1.4
VIC	-16.99	5.9%	2,270	23.0	1.5
POW	-14.59	6.4%	880	15.5	0.9
VRE	-7.65	8.7%	1,222	22.8	1.9
CTD	-7.21	0.3%	280	226.1	0.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	3.27	24.8%	4,077	16.7	4.1
SSI	2.17	9.3%	1,364	16.8	1.5
GVR	1.16	7.3%	960	17.2	1.2
MSN	1.01	9.0%	2,511	28.7	2.8
SBT	1.00	7.5%	1,064	15.3	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	-2.25	-0.7%	(185)	-	0.9
LCG	-1.11	7.7%	1,007	12.8	1.0
VRE	-0.72	8.7%	1,222	22.8	1.9
HPX	-0.55	3.9%	462	8.8	0.3
VIX	-0.41	5.4%	604	16.3	0.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	29.51	10.0%	1,095	14.8	1.3
EIB	19.50	15.4%	1,997	9.8	1.4
CTD	7.43	0.3%	280	226.1	0.6
FUEVFNVD	7.29	N/A	N/A	N/A	N/A
DHM	6.90	0.4%	40	206.3	0.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-402.66	26.5%	4,053	6.2	1.4
STB	-61.94	13.8%	2,674	10.5	1.3
SJS	-59.15	5.0%	1,051	39.0	1.8
PET	-43.79	5.5%	1,114	21.5	1.2
PNJ	-24.28	25.0%	5,622	12.8	2.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	35.22	6.4%	880	15.5	0.9
VRE	28.81	8.7%	1,222	22.8	1.9
VIC	23.51	5.9%	2,270	23.0	1.5
SSI	12.07	9.3%	1,364	16.8	1.5
PNJ	11.06	25.0%	5,622	12.8	2.6

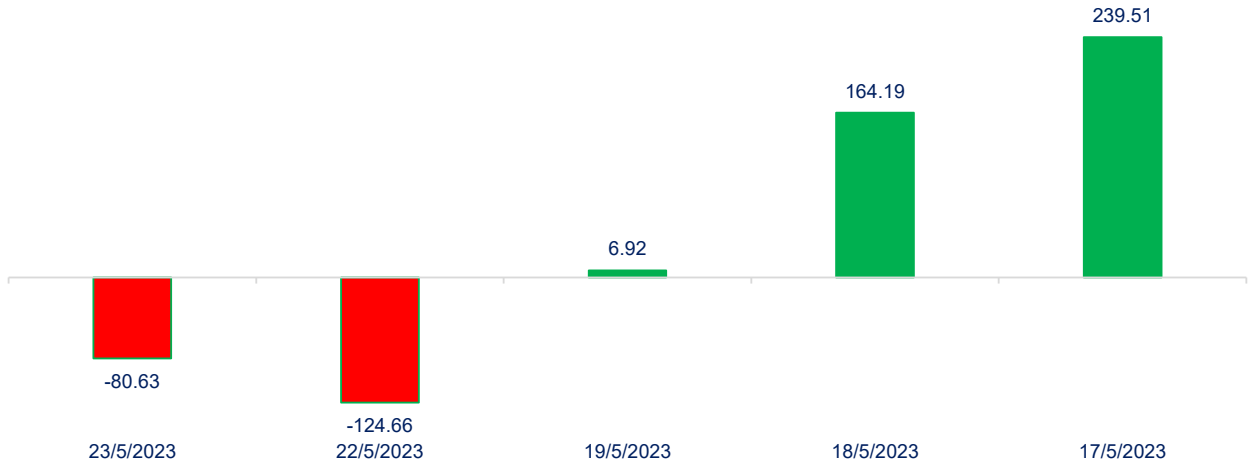
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-129.56	24.8%	4,077	16.7	4.1
MSN	-126.98	9.0%	2,511	28.7	2.8
VND	-105.59	10.0%	1,095	14.8	1.3
HPG	-58.31	9.1%	1,459	15.0	1.3
CTG	-48.95	16.6%	3,491	8.0	1.2

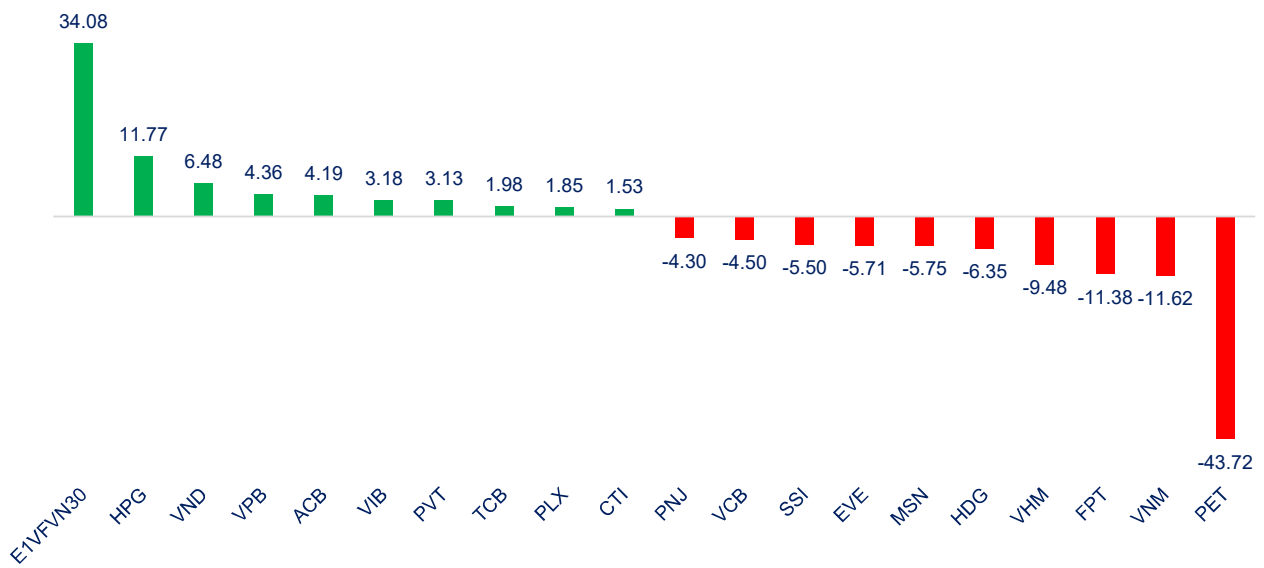


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: **Hồ Ngọc Việt Cường**
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: **Phan Tấn Nhật**
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: **Bùi Mạnh Kiên**
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn